

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1
Tháng 6/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.446	3.517				
2	102	8	3.994	4.099	105	1.965	206.283	
3	103	8	5.581	5.684	103	1.965	202.354	
4	104	6	4.023	4.104	81	1.965	159.133	
5	105	7	3.935	4.087	152	1.965	298.619	
6	106	8	3.362	3.515	153	1.965	300.584	
7	107	PSHC	1.593	1.631			0	
8	108		1.555	1.609			0	
9	109	7	1.944	2.035	91	1.965	178.779	
10	110	7	2.695	2.832	137	1.965	269.150	
11	111	6	2.451	2.515	64	1.965	125.734	
12	112	8	4.422	4.533	111	1.965	218.071	
13	113	7	3.406	3.552	146	1.965	286.832	
14	114	6	4.043	4.166	123	1.965	241.646	
15	201	6	2.317	2.357	40	1.965	78.584	
16	202	5	4.676	4.763	87	1.965	170.920	
17	203	7	3.454	3.511	57	1.965	111.982	
18	204	8	6.384	6.497	113	1.965	222.000	
19	205	8	4.690	4.773	83	1.965	163.062	
20	206	8	4.520	4.597	77	1.965	151.274	
21	207	4	2.680	2.756	76	1.965	149.310	
22	208	8	4.899	4.981	82	1.965	161.097	
23	209	8	4.737	4.830	93	1.965	182.708	
24	210	7	5.163	5.271	108	1.965	212.177	
25	211	7	4.853	4.939	86	1.965	168.956	
26	212	8	6.003	6.140	137	1.965	269.150	
27	213	8	5.826	6.034	208	1.965	408.637	
28	214	8	5.527	5.655	128	1.965	251.469	
29	301	1 SV ăn độ	3.760	3.901	141	1.965	277.009	
30	302	8	5.498	5.662	164	1.965	322.194	
31	303	7	5.002	5.183	181	1.965	355.593	
32	304	8	4.309	4.470	161	1.965	316.301	
33	305	8	5.051	5.190	139	1.965	273.079	
34	306	6	4.165	4.295	130	1.965	255.398	
35	307	PSHC	675	720		1.965	0	
36	308		556	574		1.965	0	
37	309	8	4.389	4.511	122	1.965	239.681	

38	310	7		5.728	5.874	146	1.965	286.832	
39	311	5		3.459	3.461	2	1.965	3.929	
40	312	8		4.258	4.461	203	1.965	398.814	
41	313	8		5.092	5.191	99	1.965	194.495	
42	314	7		5.725	5.855	130	1.965	255.398	
43	401	8		3.103	3.215	112	1.965	220.035	
44	402	8		3.737	3.826	89	1.965	174.849	
45	403	3		2.877	2.933	56	1.965	110.018	
46	404	7		3.004	3.080	76	1.965	149.310	
47	405	2		3.979	4.066	87	1.965	170.920	
48	406	6		6.145	6.215	70	1.965	137.522	
49	407	8		5.327	5.428	101	1.965	198.425	
50	408	7		3.358	3.457	99	1.965	194.495	
51	409	8		4.778	4.967	189	1.965	371.309	
52	410	8		2.803	2.966	163	1.965	320.230	
53	411	8		4.509	4.575	66	1.965	129.664	
54	412	7		5.767	5.879	112	1.965	220.035	
55	413	8		3.652	3.652	0	1.965	0	
56	414	7		4.409	4.579	170	1.965	333.982	
57	501	7		2.248	2.347	99	1.965	194.495	
58	502	8		4.340	4.397	57	1.965	111.982	
59	503	6		1.870	1.886	16	1.965	31.434	
60	504	8		2.284	2.462	178	1.965	349.699	
61	505	7		2.536	2.689	153	1.965	300.584	
62	506	1	SVNN TT	3.741	3.881	140	1.965	275.044	
63	507	3	CPC	1.583	1.912	329	1.965	646.353	
64	508	1	SVNN TT	5.527	6.008	481	1.965	944.973	
65	509	1	SVNN TT	2.810	3.527	717	1.965	1.408.618	
66	510	8		3.136	3.261	125	1.965	245.575	
67	511	8		6.002	6.148	146	1.965	286.832	
68	512	8		3.100	3.174	74	1.965	145.380	
69	513	1		2.945	2.990	45	1.965	88.407	
70	514	8		4.524	4.630	106	1.965	208.248	
	Cộng	429				8.315		16.335.649	

(Bảng chữ: Mười sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 15.060.605 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỘI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP




ThS Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà